CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Alphanam E&C

Ngày 31/12/2025	7,300 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-8.8%	**-**	**28.1%**

DT thuần
Q4/25
1,183
tỷ VNĐ
QoQ: ▼237| -16.7%
YoY: ▼162| -12.0%

LN thuần
Q4/25
9.43
tỷ VNĐ
QoQ: ▼8.27| -46.7%
YoY: ▼8.77| -48.2%

LN sau thuế
Q4/25
8.91
tỷ VNĐ
QoQ: ▼5.09| -36.3%
YoY: ▼5.79| -39.4%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
3.7%
YoY: +/-▼ 0.1%

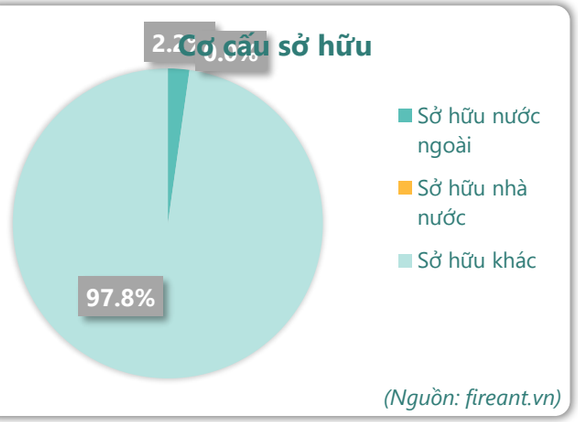
ROE
2025
4.6%
YoY: +/-▲ 1.8%

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	4,500 - 9,300
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	476
Số lượng CPLH (CP)	65,200,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	360
Sở hữu nước ngoài	2.2%
Beta	0.44
EPS	623
P/E	11.7

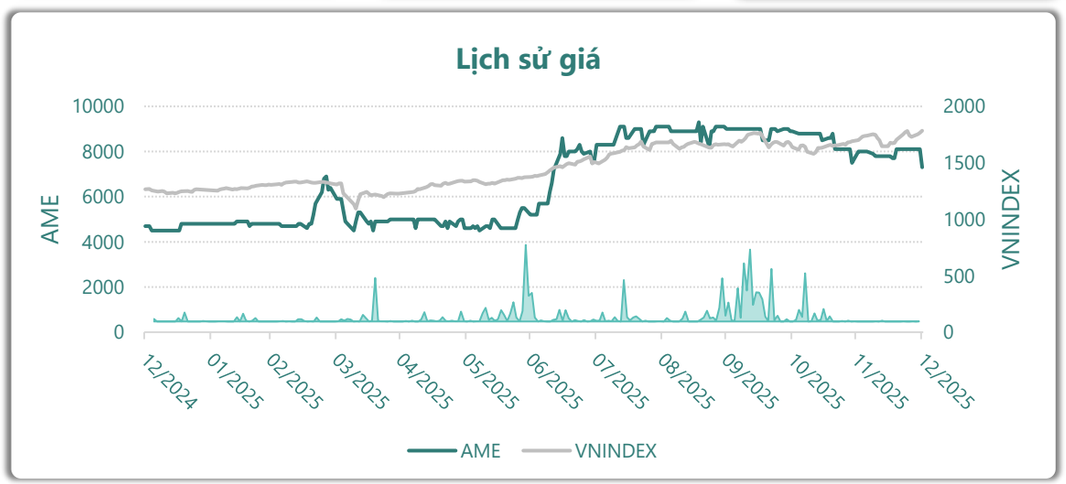
DT thuần
2025
4,994
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1,623| 48.1%

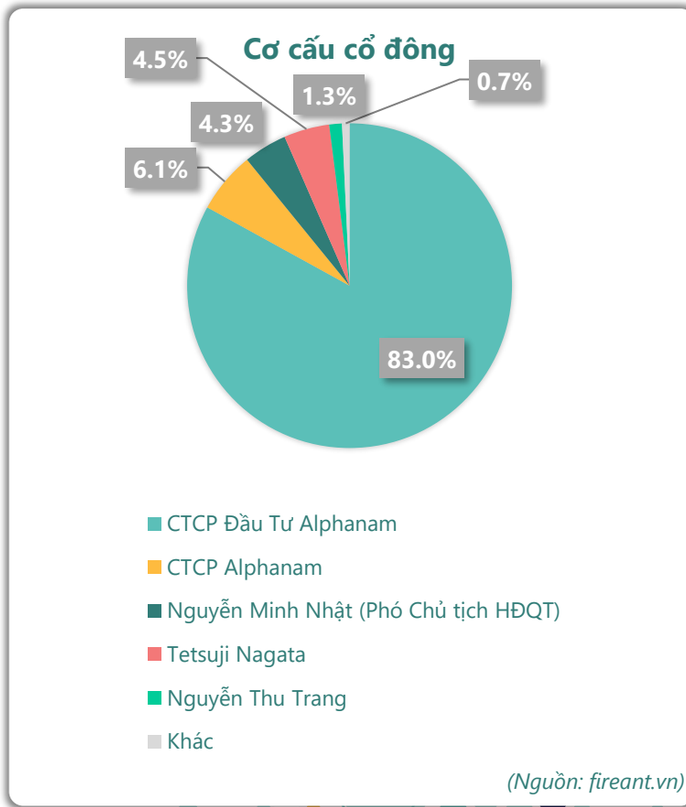
LN thuần
2025
50.5
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 25.4| 101%

LN sau thuế
2025
40.9
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 18.2| 80.3%



(Nguồn: fireant.vn)

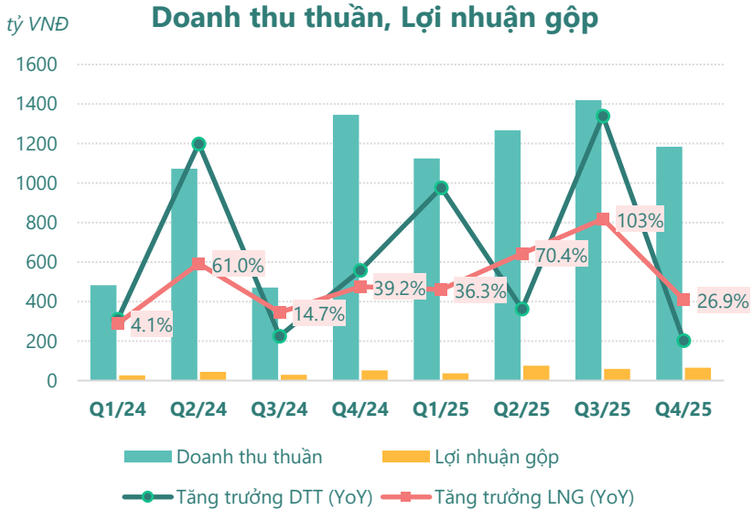




(Nguồn: fireant.vn)

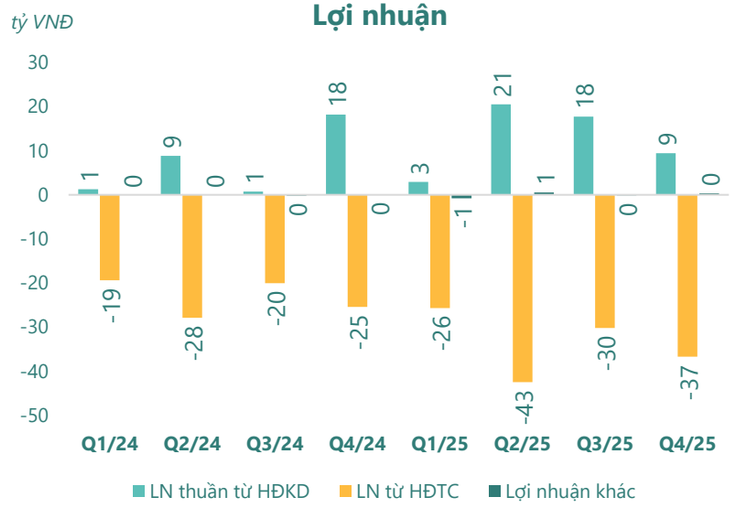
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



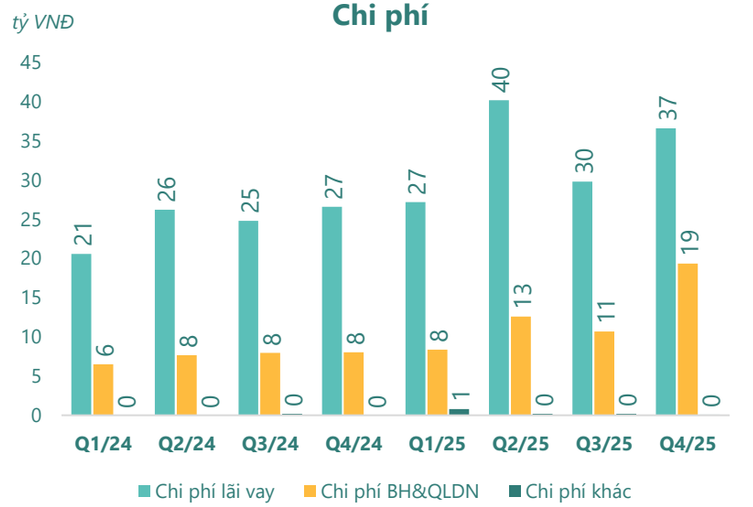
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



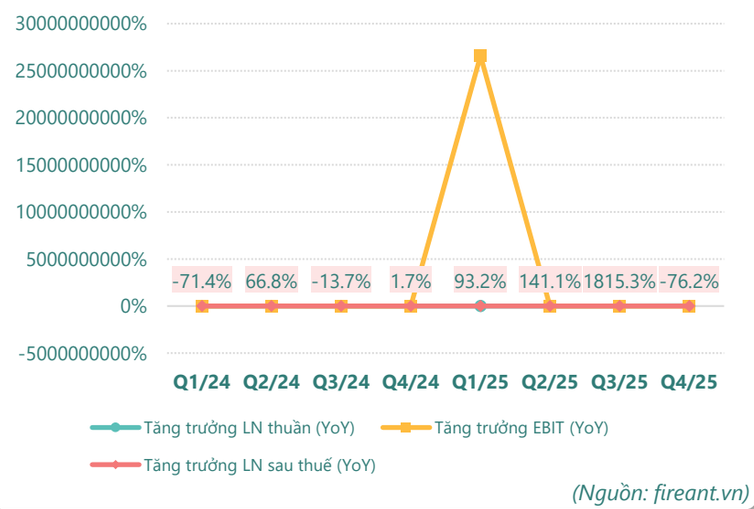
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



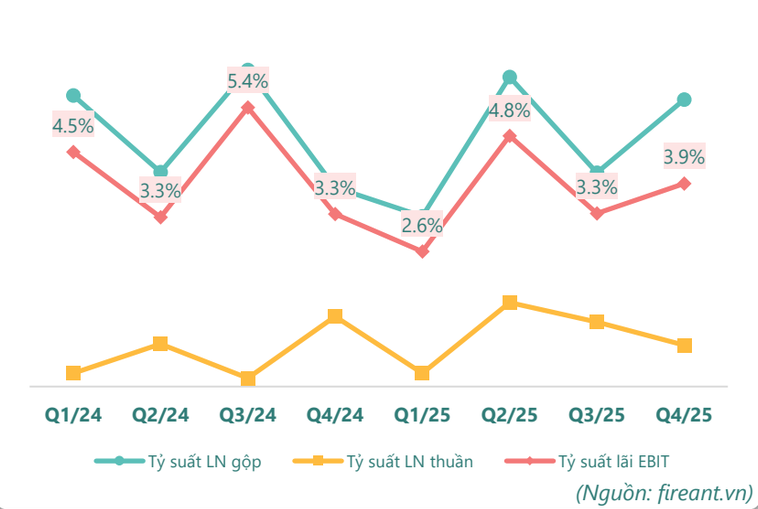
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



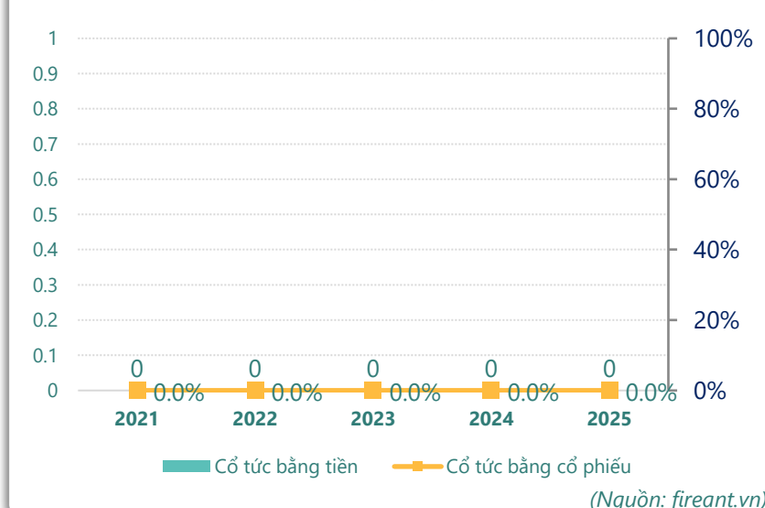
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



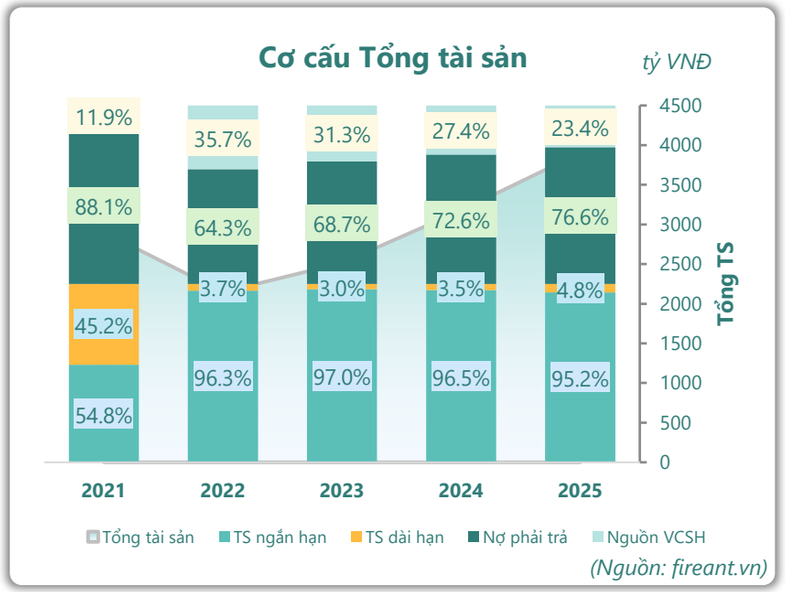
(Nguồn: fireant.vn)

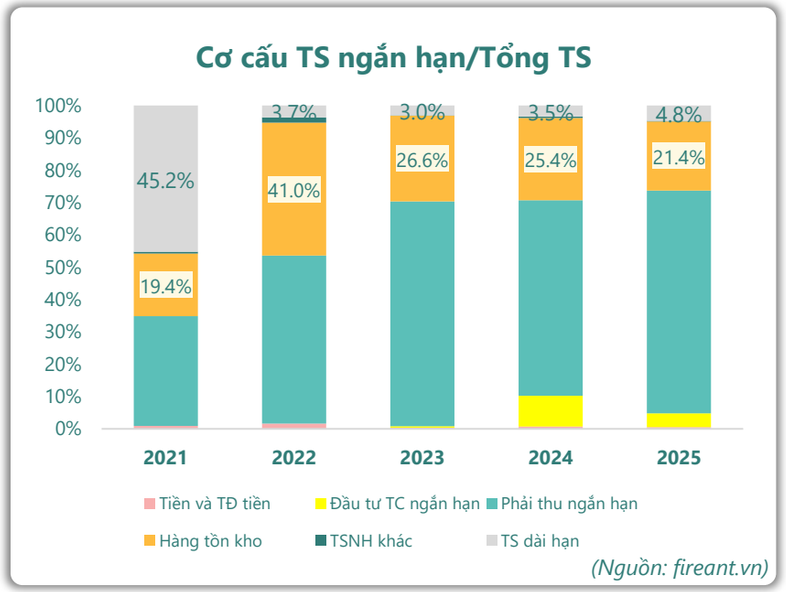
Cổ tức

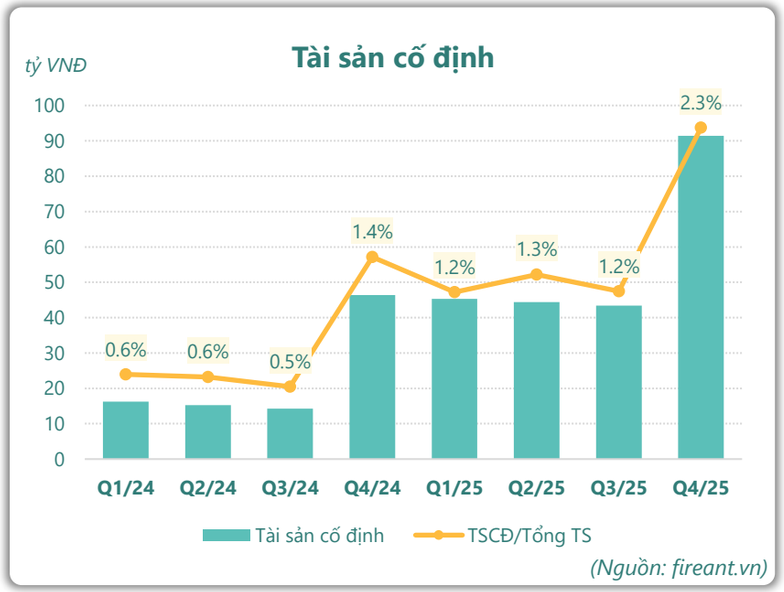


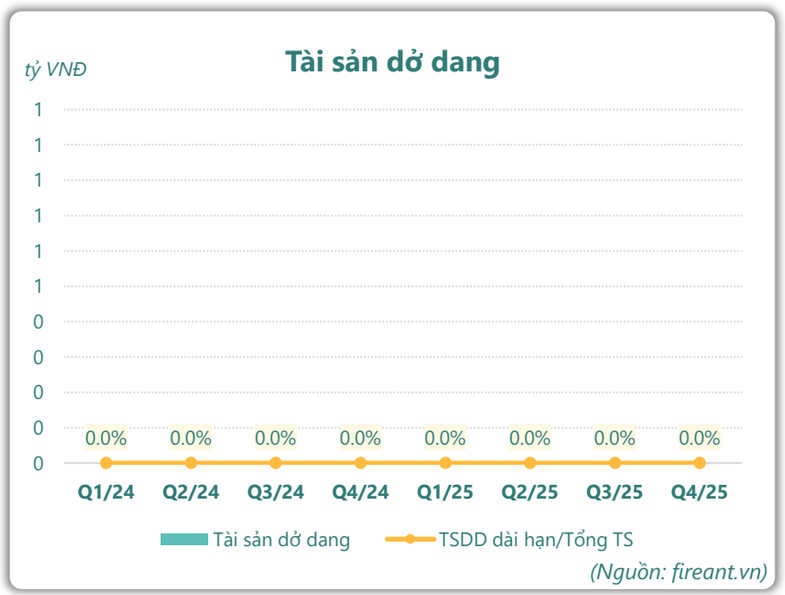
(Nguồn: fireant.vn)

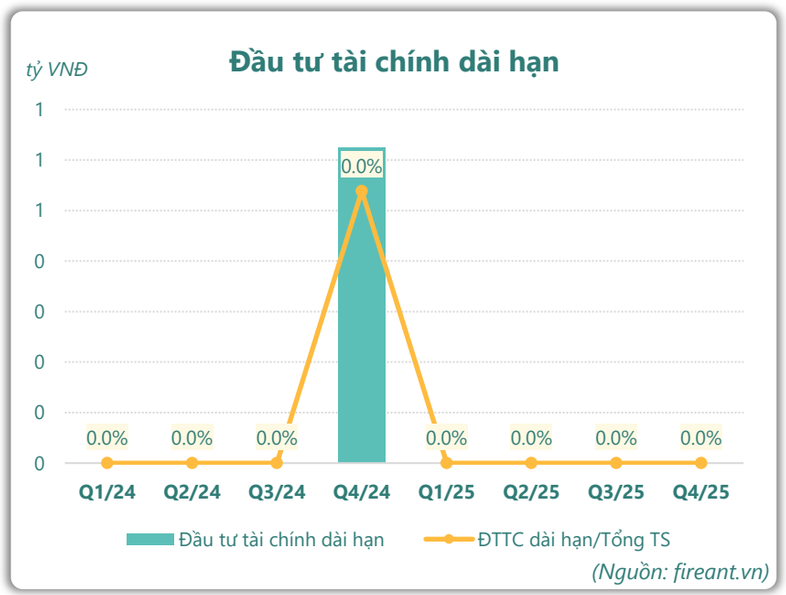
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

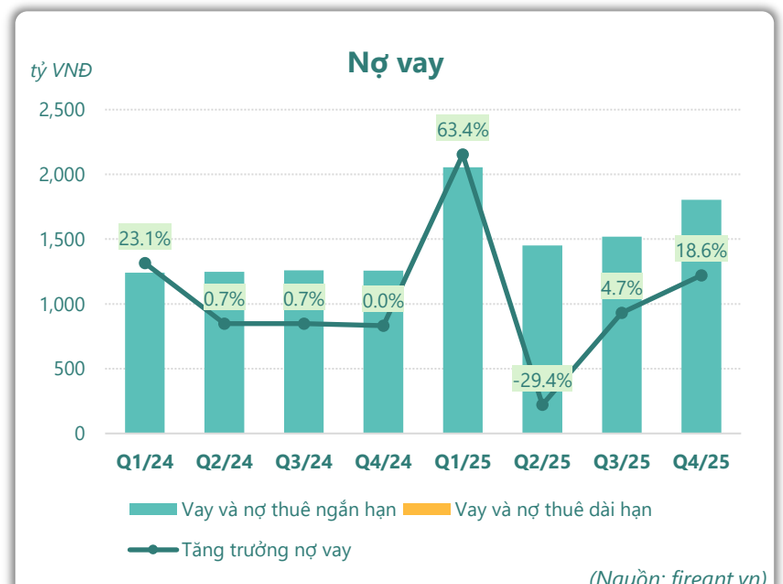






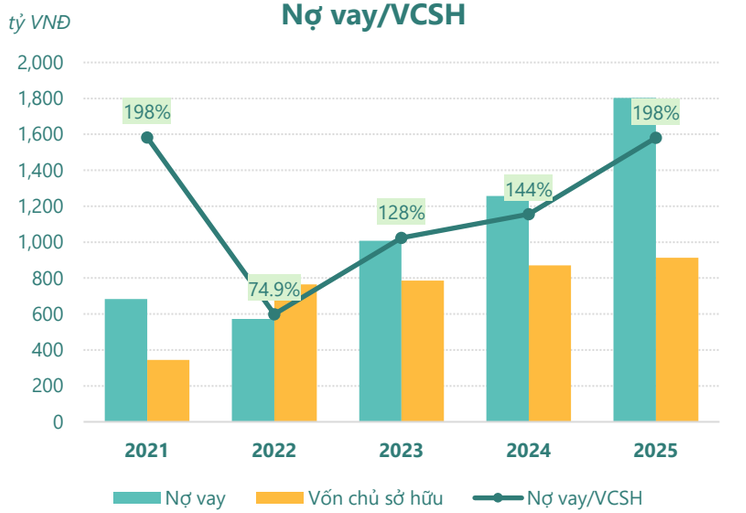






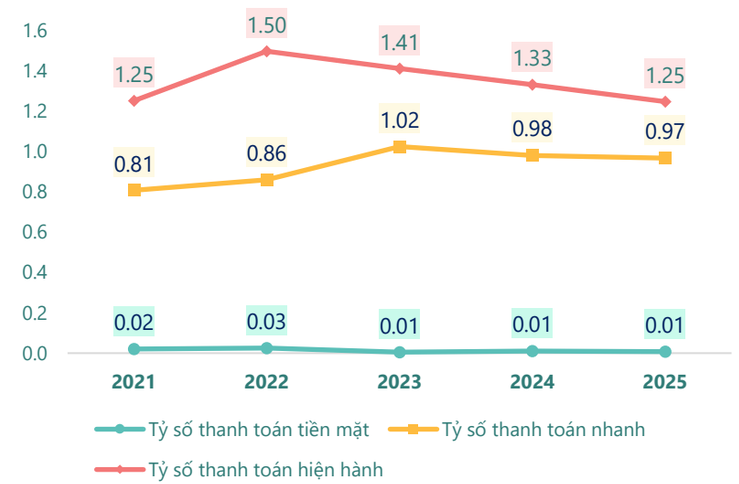
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



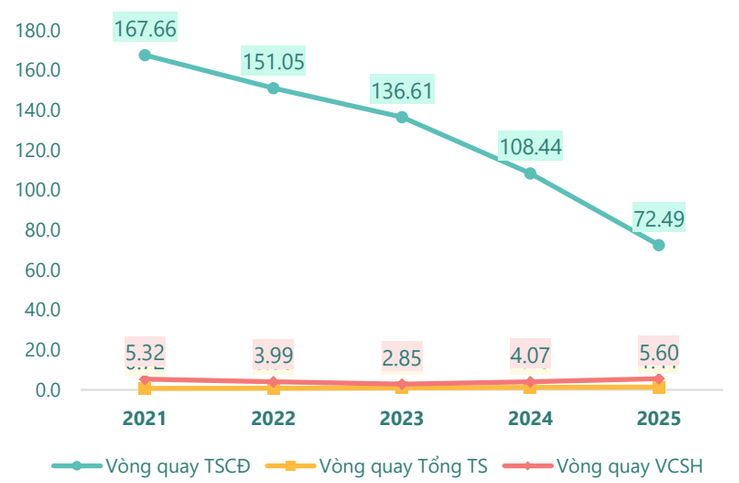
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



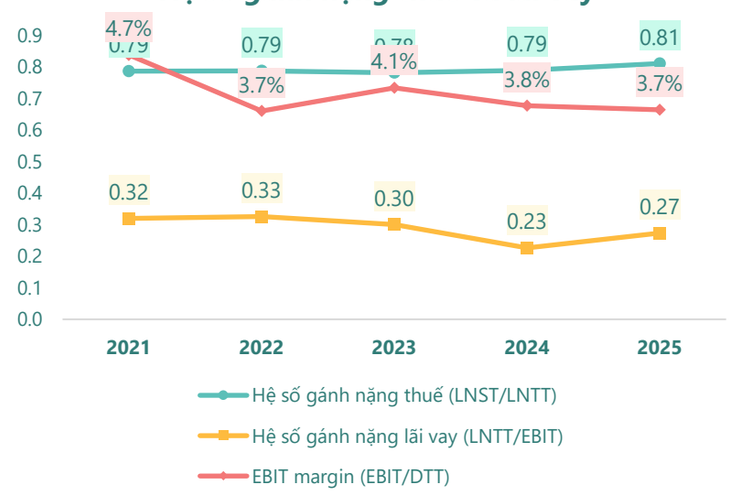
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



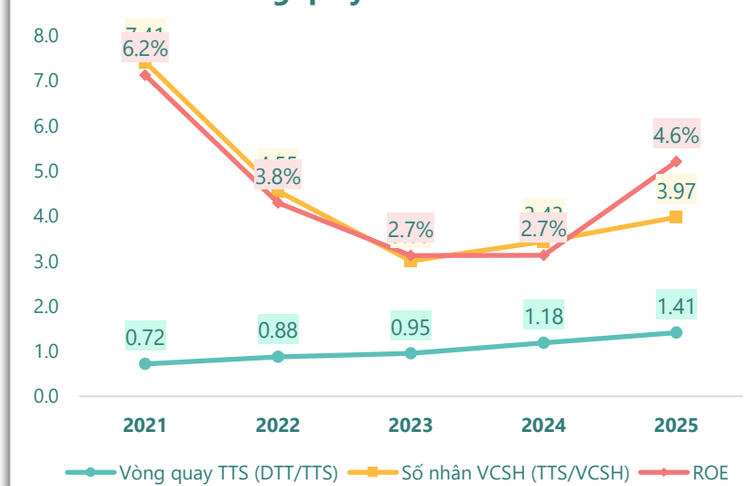
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



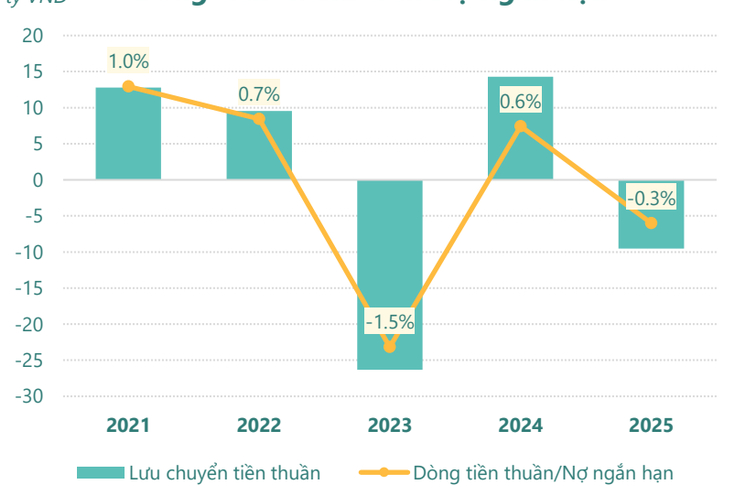
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**1,183**	**1,345**	**-12.0%**	**4,994**	**3,371**	**48.1%**
Giá vốn hàng bán	1,118	1,293	-13.5%	4,757	3,222	47.7%
Lợi nhuận gộp	65.5	51.6	27.0%	237	149	58.5%
Doanh thu HĐTC	0.48	3.79	-87.4%	1.65	12.0	-86.2%
Chi phí TC	37.2	29.2	27.4%	137	105	30.5%
Chi phí lãi vay	36.6	26.6	37.7%	134	98.2	36.3%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.90	0.00		0.90	0	
Chi phí QLDN	**18.5**	**8.02**	**130%**	**50.1**	**31.5**	**59.3%**
LN thuần từ HĐKD	9.43	18.2	-48.2%	50.5	25.1	101%
Lợi nhuận khác	**0.32**	**-0.01**	**3286%**	**-0.08**	**3.62**	**-102%**
LN trước thuế	9.75	18.2	-46.4%	50.5	28.7	75.6%
Lợi nhuận sau thuế	**8.91**	**14.7**	**-39.4%**	**40.9**	**22.7**	**80.3%**
LNST của CĐ cty mẹ	**8.97**	**14.7**	**-39.0%**	**40.6**	**22.7**	**78.9%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	427	-176	-637	370	-41.8	86.0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-459	117	-112	194	1.50	-186
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	9.25	56.7	796	-603	46.8	74.6
Tiền đầu kỳ	46.3	24.3	22.9	70.9	32.6	39.1
Lưu chuyển tiền thuần	**-22.1**	**-1.99**	**48.0**	**-38.3**	**6.51**	**-25.7**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	24.3	22.3	70.9	32.6	39.1	21.2

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**3,902**	**3,175**	**22.9%**
Tài sản ngắn hạn	3,716	3,065	21.2%
Tiền và tương đương tiền	21.2	22.9	-7.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	165	301	-45.3%
Phải thu ngắn hạn	2,691	1,922	40.0%
Hàng tồn kho	833	806	3.4%
Tài sản ngắn hạn khác	6.63	13.5	-50.9%
Tài sản dài hạn	**185**	**110**	**69.1%**
Phải thu dài hạn	9.36	0	
Tài sản cố định	91.4	46.4	97.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**70.9**	**63.2**	**12.2%**
Lợi thế thương mại	13.7	0	
Nợ phải trả	2,989	2,304	29.7%
Nợ ngắn hạn	**2,980**	**2,303**	**29.4%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,803	1,258	43.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	577	845	-31.7%
Nợ dài hạn	9.17	0.41	2147%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**913**	**871**	**4.8%**
Vốn chủ sở hữu	**913**	**871**	**4.8%**
Vốn điều lệ	652	652	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)